TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP,
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hoàng Khải

Ông Phạm Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2024/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST–DS, ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: số B, N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Văn T, Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín huyện S, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Địa chỉ: số I, Q, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1976 (có mặt).

2.2. Bà Trần Thị D1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, có người đại diện ủy quyền ông Tống Văn T trình bày:

Vào ngày 30/9/2019 ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 có ký Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1927300986 với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) để vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 9.3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, trường hợp chậm trả lãi còn phải chịu lãi suất chậm trả lãi theo quy định. Phương thức trả nợ chia đều gốc và lãi suất cho 60 tháng, mỗi tháng ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 phải trả cho Ngân hàng S số tiền 4.883.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng*), trả vào ngày 25 hàng tháng, việc vay nợ không có tài sản đảm bảo.

Từ khi vay, ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 thực hiện thành toán đúng như thỏa thuận cho Ngân hàng S đến ngày 25/12/2023 thì ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu K thực hiện trả nợ cho Ngân hàng S. Phía Ngân hàng S T1 đã cử người đại diện đến liên hệ với ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 để đôn đốc, nhắc nhở trả nợ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 hứa hẹn mà không thực hiện.

Tại phiên tòa, ông Tống Văn T là người đại diện của Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng S đến ngày 31/3/2025 là 48.686.805 đồng (*Bốn mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm lẽ năm đồng*), trong đó nợ gốc là 30.017.000 đồng (*Ba mươi triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng*), lãi trong hạn là 13.950.000 đồng (*Mười ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi quá hạn là 3.540.116 đồng (*Ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, một trăm mười sáu đồng*), lãi chậm trả lãi là 1.179.689 đồng (*Một triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng*). Buộc ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 tiếp tục trả nợ và các khoản lãi cho Ngân hàng S theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, trả cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Vũ H thừa nhận lời trình bày của ông Tống Văn T là người đại diện của Ngân hàng S. Hiện tại ông Nguyễn Vũ H, bà

Trần Thị D1 còn nợ của Ngân hàng S số tiền 48.686.805 đồng. Do điều kiện gia đình gặp khó khăn nên ông H xin trả dần cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai đối với bị đơn bà Trần Thị Diệu .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Thị Diệu .

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu T2 số tiền còn nợ là 48.686.805 đồng, trong đó nợ gốc là 30.017.000 đồng, lãi trong hạn là 13.950.000 đồng, lãi quá hạn là 3.540.116 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.179.689 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn Ngân hàng S đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1927300986 lập ngày 30/9/2019, thể hiện ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 có vay của Ngân hàng S số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9.3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, trường hợp chậm trả lãi còn phải chịu lãi suất chậm trả lãi theo quy định. Phương thức trả nợ chia đều gốc và lãi suất cho 60 tháng, mỗi tháng ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 phải trả cho Ngân hàng S số tiền 4.883.000 đồng, trả vào ngày 25 hàng tháng, việc vay nợ không có tài sản đảm bảo.

Sau khi vay nợ ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như thỏa thuận cho Ngân hàng S đến ngày 25/12/2023 thì ngưng. Phía Ngân hàng S đã cử người đại diện đến liên hệ với ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 để đôn đốc, nhắc nhở trả nợ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Vũ

H, bà Trần Thị D1 hứa hẹn mà không thực hiện. Đến nay thời hạn trả nợ của ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 đã quá hạn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Vì vậy, nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu T2 số tiền còn nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1927300986 lập ngày 30/9/2019 thể hiện ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 đã vay của Ngân hàng S số tiền 200.000.000 đồng mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9.3%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, trường hợp chậm trả lãi còn phải chịu lãi suất chậm trả lãi theo quy định. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất ...theo quy định pháp luật"*. Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S đúng theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S. Vì vậy, Ngân hàng S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu T2 số tiền lãi trong hạn là 13.950.000 đồng, lãi quá hạn là 3.540.116 đồng, lãi chậm trả lãi quá hạn là 1.179.689 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu P chịu án phí 2.434.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 998.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T3 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu .

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị D1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 31/3/2025 là 48.686.805 đồng (*Bốn mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm lẽ năm đồng*), trong đó nợ gốc là 30.017.000 đồng (*Ba mươi triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng*), lãi trong hạn là 13.950.000 đồng (*Mười ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi quá hạn là 3.540.116 đồng (*Ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, một trăm mười sáu đồng*), lãi phạt lãi quá hạn là 1.179.689 đồng (*Một triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/4/2025) bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu C phải chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1927300986 lập ngày 30/9/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Vũ H, bà Trần Thị Diệu P chịu số tiền 2.434.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 998.000 đồng (*Chín trăm chín mươi tám nghìn đồn*g), theo lai thu số 0007330 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Trần Thị D1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Lil